Chi tiết mã HS 7017.10.90

Mã HS	7017.10.90
Mô tả hàng hóa	Đồ thủy tinh dùng cho phòng thí nghiệm, cho vệ sinh hoặc dược phẩm, đã hoặc chưa được chia độ hoặc định cỡ / - Bằng thạch anh nung chảy hoặc các dạng dioxit silic nung chảy khác: / - - Loại khác
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	06/11/2026 02:59:15
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/70171090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10550
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10550
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10550
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10039
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9990
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9990
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9990
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9990
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9990
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9990
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E10042
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F10042
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G10042

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H10042
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I10042
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J10042
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E10043
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F10043
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10043
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10043
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10043
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10043
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F10044
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9996
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F10002
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G10002
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H10002
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I10002
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J10002
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K10002
VKFTA	2022	2022	0	VK!E10027
VKFTA	2023	2023	0	VK!F10027
VKFTA	2024	2024	0	VK!G10027
VKFTA	2025	2025	0	VK!H10027
VKFTA	2026	2026	0	VK!I10027
VKFTA	2027	2027	0	VK!J10027
VCFTA	2022	2022	0	VC!D10074
VCFTA	2023	2023	0	VC!E10074
VCFTA	2024	2024	0	VC!F10074

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G10074
VCFTA	2026	2026	0	VC!H10074
VCFTA	2027	2027	0	VC!I10074
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D10065
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E10065
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F10065
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G10065
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H10065
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I10065
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D10065
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E10065
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F10065
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G10065
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H10065
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I10065
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D10076
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E10076
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F10076
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G10076
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H10076
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I10076
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D10075
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E10075
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F10075
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G10075
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H10075

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I10075
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D10022
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E10022
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F10022
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G10022
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H10022
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I10022
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J10022
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D10059
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E10059
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F10059
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G10059
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H10059
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I10059
RCEP B	2022	2022	0	B!D10059
RCEP B	2023	2023	0	B!E10059
RCEP B	2024	2024	0	B!F10059
RCEP B	2025	2025	0	B!G10059
RCEP B	2026	2026	0	B!H10059
RCEP B	2027	2027	0	B!I10059
RCEP C	2022	2022	0	C!D10059
RCEP C	2023	2023	0	C!E10059
RCEP C	2024	2024	0	C!F10059
RCEP C	2025	2025	0	C!G10059
RCEP C	2026	2026	0	C!H10059
RCEP C	2027	2027	0	C!I10059

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D10058
RCEP D	2023	2023	0	D!E10058
RCEP D	2024	2024	0	D!F10058
RCEP D	2025	2025	0	D!G10058
RCEP D	2026	2026	0	D!H10058
RCEP D	2027	2027	0	D!I10058
RCEP E	2022	2022	0	E!D10062
RCEP E	2023	2023	0	E!E10062
RCEP E	2024	2024	0	E!F10062
RCEP E	2025	2025	0	E!G10062
RCEP E	2026	2026	0	E!H10062
RCEP E	2027	2027	0	E!I10062
RCEP F	2022	2022	0	F!D10059
RCEP F	2023	2023	0	F!E10059
RCEP F	2024	2024	0	F!F10059
RCEP F	2025	2025	0	F!G10059
RCEP F	2026	2026	0	F!H10059
RCEP F	2027	2027	0	F!I10059
VIFTA	2024	2024	0	VI!F9297
VIFTA	2025	2025	0	VI!G9297
VIFTA	2026	2026	0	VI!H9297
VIFTA	2027	2027	0	VI!I9297

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 7017.10 có 2 dòng thuế; dòng 7017.10.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	7017.10.10 Ống thạch anh dùng trong lò phản ứng và vòng kẹp được thiết kế để chèn vào lò luyện khuếch tán và lò ôxi hóa để sản xuất tấm bán dẫn mỏng	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7017.10.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 7017.10.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10550), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.